TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRIỆU S
TỈNH THANH HOÁ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 16/2020/ HNGĐ-ST
Ngày: 15- 7 -2020
V/v " Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRIỆU S, TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Lê Thị Thủy
Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Văn Ninh và bà Nguyễn Thị Trúc
- Thư ký phiên toà: Bà Vũ Thị Hạnh- Thư ký Toà án nhân dân huyện Triệu S, tỉnh Thanh Hóa.
- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Triệu S: Bà Nguyễn Thị Lan- Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Triệu S, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 151 /2020/HNGĐ - ST ngày 20 tháng 5 năm 2020 về việc " Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2020/QĐST- HNGĐ ngày 29 tháng 6 năm 2020 giữa:

Nguyên đơn: Anh Thiều Đình T - sinh năm 1982, có mặt.

Địa chỉ: Thôn Thái L, xã Thái H, huyện Triệu S, Thanh Hoá.

Bị đơn: Chị Trịnh Thị Q - sinh năm 1985, có mặt.

Địa chỉ: SN 96, phố Tân P, thị trấn Triệu S, huyện Triệu S, Thanh Hoá.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện về việc xin ly hôn và bản tự khai cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn là anh Thiều Đình Th trình bày: Anh và chị Trịnh Thị Q đăng ký kết hôn vào ngày 09/12/2005 trên cơ sở tự nguyện, tại ủy ban nhân dân thị trấn Triệu S, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn vợ chồng anh, chị chung sống hoà thuận hạnh phúc với nhau được khoảng 13 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn: Vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, tính tình không hợp, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống gia đình, quá trình vợ chồng chung sống, chị Q nợ nần nhiều mà không bàn bạc với anh, dẫn đến vợ chồng phải bán hết tài sản để trả nợ. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Vì vậy anh,

chị đã sống ly thân từ đầu tháng 3 năm 2018 cho đến nay, không ai quan tâm đến ai. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Anh T đề nghị Tòa án nhân dân huyện Triệu S, tỉnh Thanh Hóa giải quyết cho cho anh ly hôn với chị Trịnh Thị Q.

Về con chung: Anh T trình bày, vợ chồng có 02 con chung với nhau, tên các cháu là Thiều Thu T1 sinh ngày 29/12/2007 và cháu Thiều Tấn P sinh ngày 25/10/2010. Hiện nay các cháu đang sống cùng chị Q. Ly hôn, nguyện vọng của anh là được trực tiếp nuôi dưỡng cháu P, giao cháu T1 cho chị Q trực tiếp nuôi dưỡng. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung không đặt ra. Hiện tại anh T đang làm nghề lái xe contene cung đường từ TP Hồ Chí Minh đi Trung Quốc, thời gian mỗi chuyến đi từ 7 đến 10 ngày thì anh được nghỉ, thu nhập bình quân 15.000.000đ/ tháng, kế hoạch của anh đến tháng 8/2020 sẽ xin lái xe con để được đi về trong ngày, anh xét thấy có đủ điều kiện về kinh tế để nuôi con.

Về tài sản và phần nợ: Về tài sản chung và nợ chung anh không yêu cầu Toà án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn là chị Trịnh Thị Q trình bày việc đăng ký kết hôn như anh T trình bày là hoàn toàn đúng. Vợ chồng có nhiều mâu thuẫn do tính tình không hòa hợp, quá trình chung sống do hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên chị phải vay mượn để làm nhà và nuôi con, nay nợ nần nhiều đã phải bán nhà để trả nợ. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng và đã sống ly thân từ tháng 7 năm 2019 cho đến nay, vợ chồng không ai quan tâm đến ai. Nay chị cũng đồng ý đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng anh, chị ly hôn.

Về con chung: Chị Q trình bày vợ, chồng anh chị có hai người con chung như anh T trình bày là hoàn toàn đúng, hiện nay các cháu Thiều Thu T1 và cháu Thiều Tấn P đang trực tiếp ở cùng chị tại thị trấn Triệu S, huyện Triệu S. Ly hôn chị đề nghị Tòa án giao cả hai con cho chị trực tiếp nuôi dưỡng, không yêu cầu anh T phải đóng góp nuôi con chung cùng chị. Hiện nay chị đang làm việc tại Công ty nhựa Đại Đồng Tiến tại thành phố Thanh H, thu nhập bình quân mỗi tháng là 13.000.000đ (Mười ba triệu đồng), chị xét thấy đủ khả năng để chăm sóc và nuôi dưỡng tốt cho các cháu.

Về tài sản và phần nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Triệu S tham gia phiên tòa có ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 55; Điều 81; 82; 83 luật hôn nhân gia đình; Điều 147 của bộ luật tố tụng dân sự ; Về hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Thiều Đình T và chị Trịnh Thị Q; Về con chung: Giao cho chị Trịnh Thị Q trực tiếp nuôi dưỡng cả hai cháu Thiều Thu T1 và Thiều Tấn P cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi; anh T không

phải đóng góp nuôi con chung cùng chị Q; Về tài sản chung anh, chị không yêu cầu nên không xem xét; Về án phí: Anh Thiều Đình T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1].Về hôn nhân: Anh Thiều Đình T và chị Trịnh Thị Q đăng ký kết hôn ngày 09/12/2005 trên cơ sở tự nguyện, tại ủy ban nhân dân thị trấn Triệu Sơn, huyện Triệu S, tỉnh Thanh Hóa trên, như vậy là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống với nhau vợ chồng đoàn tụ hạnh phúc được khoảng hơn 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do chị Q nợ nần, không bàn bạc với anh T, dẫn đến khó khăn về kinh tế gia đình, vợ chồng thường xuyên bất đồng về quan điểm sống, dẫn đến sống ly thân từ năm 2019 đến nay, không ai quan tâm đến ai.

Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, anh Thiều Đình T và chị Trịnh Thị Q đều thỏa thuận đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng được ly hôn. Xét yêu cầu của anh, chị thì thấy tình trạng hôn nhân đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy xử công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Thiều Đình T và chị Trịnh Thị Q.

[2]. Về con chung: Vợ chồng anh, chị có hai con chung với nhau, tên các cháu là Thiều Thu T1 sinh ngày 29/12/2007 và cháu Thiều Tấn P sinh ngày 25/10/2010. Hiện nay các cháu đang sống cùng chị Q. Ly hôn anh Thịnh có nguyện vọng được nuôi cháu P, giao cho chị Q nuôi cháu T1, vấn đề cấp dưỡng không đặt ra. Chị Trịnh Thị Q xin được nuôi cả hai con, không yêu cầu anh T phải đóng góp nuôi con chung cùng chị.

Xét việc yêu cầu được nuôi con của anh T và chị Q đều chính đáng. Anh, chị đều tha thiết xin được nuôi con, cả anh và chị đều có khả năng, điều kiện để chăm sóc, nuôi dưỡng con chung như nhau. Thu nhập hằng tháng của anh chị đều cao từ 13 đến 15 triệu/ tháng. Vì vụ án liên quan đến người chưa thành niên, nên ngày 12/6/2020 Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn đã tiến hành xác minh tại UBND thị trấn Triệu Sơn, xác định nguyên nhân tranh chấp là do anh, chị bất đồng về quan điểm sống, tính tình không hòa hợp. Mặt dù nguyện vọng của cháu T và cháu Phát đều xin được ở cùng với chị Q, nhưng xuất phát từ lợi ích mọi mặt của các cháu, nhằm ổn định về tâm lý, sức khỏe cho các bé, căn cứ vào Điều 81 luật hôn nhân gia đình, Hội đồng xét xử thấy cần giao cháu Thiều Tấn Phát cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Giao cho chị Q trực tiếp nuôi dưỡng cháu Thiều Thu T1. Anh, chị nuôi các cháu cho đến khi đủ 18 tuổi, vấn đề cấp dưỡng không đặt ra.

[3].Về tài sản: Tài sản chung vợ chồng anh, chị không có gì, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xét.

[4]. Về án phí: Anh Thiều Đình T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 51; Điều 55; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 điều 147; Điều 271,khoản 1 Điều 273, khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/ UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của uỷ ban thường vụ Quốc hội, điểm 1.1, tiểu mục 1, mục II phần A danh mục mức án phí, lệ phí Toà án ban hành kèm theo Nghị quyết 326/2016.

Về hôn nhân: Công nhận sự thỏa thuận ly hôn giữa anh Thiều Đình T và chị Trịnh Thị Q.

Về con chung: Giao cháu Thiều Tấn P cho anh Thịnh trực tiếp nuôi d□ỡng, chăm sóc. Giao cho chị Trịnh Thị Q trực tiếp nuôi dưỡng cháu Thiều Thu T1. Anh chị nuôi các cháu cho đến khi đủ 18 tuổi, vấn đề cấp dưỡng không đặt ra.

Anh T, chị Q được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, người trực tiếp nuôi con và các thành viên trong gia đình không được ngăn cấm, cản trở. Nếu trong quá trình nuôi con, anh hoặc chị không chăm sóc chu đáo ảnh hưởng đến sự phát triển sức khỏe, học tập, sinh hoạt của các cháu thì anh, chị có quyền khởi kiện đến Tòa án yêu cầu thay đổi nuôi con chung.

Về tài sản: Tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xét.

Về án phí: Anh Thiều Đình T phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm. Số tiền tạm ứng án phí anh đã nộp tại biên lai số AA/2018/0003994 ngày 18 tháng 5 năm 2020 nay trừ vào án phí ly hôn, anh T đã nộp đủ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, bị đơn. Tuyên bố cho anh, chị được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận*:**
- *VKS Triệu S*
- *Các đương sự*
- *UBND TT Triệu S*
- *Thi hành án*
- *Lưu hồ sơ*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Thủy

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Văn Ninh **Nguyễn Thị Trúc** **Lê Thị Thủy**

***Nơi nhận*:**
- *VKS Triệu Sơn*
- *Các đương sự*
- *UBND xã Thọ Ngọc*
- *Thi hành án*
- *Giám đốc án*
- *Lưu hồ sơ*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Thủy

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Duy Năm **Trần Xuân Anh** **Lê Thị Thủy**